TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN B
THÀNH PHỐ C

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **05**/2020/DS-ST
Ngày: 06-5-2020
V/v: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN B, THÀNH PHỐ C

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa*: Bà **Phạm Thị A**.

- *Các Hội thẩm nhân dân*:

1/ Ông Lý Thanh B;

2/ Ông Đỗ Trọng T.

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Hồng C – Thư ký Tòa án nhân dân quận B, thành phố C.

Trong ngày 06 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận B, thành phố C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 62/2019/TLST-DS ngày 05 tháng 4 năm 2019 về việc *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 151/2020/QĐXX-ST ngày 20/4/2020, giữa các đương sự:

NGUYÊN ĐƠN: **Ngân hàng V**.

Trụ sở: phường L, quận Đ, thành phố H. Đại diện theo pháp luật: ông Ngô Chí D – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

BỊ ĐƠN: Bà **Lê Thị Hạnh N**, sinh năm 1977. Địa chỉ: khu vực B A, phường L, quận B, thành phố C;

Địa chỉ liên lạc: số 124/5, khu vực Bình Chánh, phường Long Hòa, quận B, thành phố C. *(vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đại diện ủy quyền nguyên đơn trình bày:

Ngân hàng V (gọi tắt là ngân hàng) và bà Lê Thị Hạnh N có ký kết đề nghị phát hành thẻ kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng số 325-P-9733831 ngày 29/8/2016 (hợp đồng thẻ tín dụng mở ngày 01/9/2016) với số tiền vay là: 130.000.000 đồng; lãi suất 28,68%/năm (2,39%/tháng); mục đích vay tiêu dùng. Quá trình thực hiện hợp đồng, bà N vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Hợp đồng tín dụng đã ký. Phía ngân hàng đã nhiều lần liên hệ và tạo điều kiện cho bà N thanh toán, nhưng phía bà N vẫn vẫn không có thiện chí trả nợ. Kể từ ngày 27/12/2017 khoản vay của bà N tại VPBank chuyển sang nợ quá hạn,

bà N phải chịu tiền lãi quá hạn phát sinh với mức lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà N trả tổng số tiền là: 204.515.816 đồng. Trong đó: nợ gốc 125.764.562 đồng, nợ lãi trong hạn 52.500.836 đồng, nợ lãi quá hạn 26.250.418 đồng và yêu cầu tiền lãi phát sinh theo quy định tại hợp đồng tín dụng đã ký từ ngày 05/6/2019 cho đến thanh toán xong khoản nợ. Về lãi chậm thanh toán kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án theo qui định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự 2015.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ Nều lần đối với bị đơn bà N vào ngày 23/4/2019, ngày 03/5/2019 và ngày 13/5/2019 để hòa giải, tự khai và tiếp cận, công khai chứng cứ tại tòa, nhưng bị đơn vẫn cố tình vắng mặt không lý do. Do đó, vụ án không tiến hành hòa giải được nên đưa ra xét xử công khai theo quy định chung.

Tại phiên tòa,

Đại diện nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền gốc và lãi tạm tính đến ngày 06/5/2020 là 255.163.092đồng *(hai trăm năm mươi lăm triệu, một trăm sáu mươi ba ngàn, không trăm lẻ chín mươi hai đồng)* và lãi phát sinh từ ngày 07/5/2020 theo quy định tại hợp đồng đã ký cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ. Ngoài ra, nguyên đơn không yêu cầu gì khác.

Bị đơn bà N tiếp tục vắng mặt tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Ngân hàng và bà N có ký kết đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng. Quá trình giao dịch, bà N không thực hiện theo đúng thỏa thuận nên Ngân hàng có đơn khởi kiện, xác định quan hệ pháp luật là "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1] Về thủ tục tố tụng: bị đơn bà N được triệu tập hợp lệ Nều lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ theo qui định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

[2] Xét giao dịch dân sự: Giữa nguyên đơn Ngân hàng và bị đơn bà Lê Thị Hạnh N có ký kết đề nghị phát hành thẻ kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng số 325-P-9733831 ngày 29/8/2016 (hợp đồng thẻ tín dụng mở ngày 01/9/2016) với số tiền vay là: 130.000.000 đồng (*Một trăm ba mươi triệu đồng*), lãi suất 28,68%/năm (2,39%/tháng); mục đích vay tiêu dùng Quá trình thực hiện giao dịch, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên nguyên đơn khởi kiện. Đây là căn cứ xác định giao dịch giữa Ngân hàng với bị đơn bà N là có thật.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn:

Tại đơn xin miễn giảm lãi của bà Lê Thị Hạnh N gởi cho Ngân hàng xác nhận bà có ký hợp đồng thẻ tín dụng vào ngày 01/6/2016, hạng mức 130.000.000đồng, đến ngày 27/12/2017 số tiền gốc nợ 125.764.562đồng, đến ngày 28/7/2019 tổng số nợ gốc và lãi hơn

hai trăm triệu. Đồng thời trong hợp đồng đôi bên cũng thỏa thuận mức tiền lãi bên nghĩa vụ phải thanh toán theo hợp đồng đã thỏa thuận.

Như vậy, việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán nợ gốc 125.764.562đồng là phù hợp. Tiền lãi phát sinh trong hạn được tính là 86.265.686đồng, lãi quá hạn là 43.132.843đồng. Ngân hàng buộc phía bà N phải thanh toán tổng nợ gốc và lãi tính chung đến ngày 06/5/2020 là 255.163.092đồng *(hai trăm năm mươi lăm triệu, một trăm sáu mươi ba ngàn, lẽ chín mươi hai đồng)* là có căn cứ để chấp nhận.

[4] *Về yêu cầu tính lãi chậm trả trong giai đoạn thi hành án*:

Nguyên đơn yêu cầu bà N phải thanh toán lãi cho đến khi thanh toán toàn bộ khoản nợ. Hội đồng xét xử xét thấy, tại văn bản ***Giấy đề nghị phát hành thẻ kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế ngày 29/8/2016*** không ghi nhận mức lãi cụ thể, Ngân hàng cũng không cung cấp thêm chứng cứ nào khác cho thấy có thỏa thuận thêm về mức lãi suất chậm thanh toán, nên không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu tiếp tục tính lãi suất quá hạn 150% theo mức lãi 28.68%/năm đối với bị đơn trên khoản nợ chậm thanh toán như Ngân hàng đặt ra. Do đó, trong giai đoạn thi hành án bên có nghĩa vụ chậm thực hiện việc thanh toán sẽ được tính theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự 2015.

[5]*Về án phí dân sự sơ thẩm*, bị đơn phải chịu án phí đối với yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận. Nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 3 Điều 26, Điều 35, 147, 227 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Điều 91, 94 và 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;
- Điều 357, Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015;
- Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015
- Nghị quyết số 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng V.

Buộc bà Lê Thị Hạnh N phải trả cho Ngân hàng V tổng số nợ gốc và lãi tính chung đến ngày 06/5/2020 là 255.163.092đồng *(hai trăm năm mươi lăm triệu, một trăm sáu mươi ba ngàn, không trăm lẻ chín mươi hai đồng*) (gồm: nợ gốc125.764.562đồng + nợ lãi 129.398.529đồng)

Thực hiện việc trả nợ bắt đầu khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ khi án có hiệu lực và nguyên có đơn yêu cầu thi hành án mà bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự .

- *Về án phí dân sự sơ thẩm*:

Bà Lê Thị Hạnh N phải nộp 12.758.000đồng *(mười hai triệu, bảy trăm năm mươi tám ngàn đồng)* án phí tại Chi cục thi hành án dân sự quận B, thành phố C.

Ngân hàng V nhận lại 4.152.065 đồng (*Bốn triệu một trăm năm mươi hai ngàn không trăm sáu mươi lăm đồng*) tiền đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 009736 ngày 01/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận B, thành phố C.

Trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án đối với nguyên đơn, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương đối với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án *dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân Q. B;
- Chi cục Thi hành án dân sự Q. B;
- Tòa án nhân dân Thành phố C;
- Lưu hs, Vp, Ltds.

Phạm Thị A